

Chất thải chăn nuôi, vấn nạn mới của Việt Nam

○ NGUYỄN THỊ ANH

Cục Quản lý chất thải

Những năm vừa qua nhờ chính sách đổi mới, nông nghiệp có tốc độ phát triển cao, đóng góp đáng kể vào phát triển KT-XH của đất nước. Tuy nhiên, chăn nuôi phát triển cũng tạo ra những rủi ro cho môi trường sinh thái và là một trong những nguyên nhân làm Trái đất nóng lên nếu vấn đề môi trường chăn nuôi không được quản lý hiệu quả.

Nhiều hạn chế trong xử lý chất thải chăn nuôi

Ngày nay, ngành chăn nuôi nước ta đang có những dịch chuyển nhanh chóng từ chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại, công nghiệp; từ chăn nuôi nhỏ lẻ lên chăn nuôi quy mô lớn. Đảng và Chính phủ quan tâm tới ngành chăn nuôi để cùng với ngành trồng trọt, thủy sản bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm thông qua những chủ trương, chính sách nhằm định hướng và tạo ra những cơ chế khuyến khích để ngành chăn nuôi phát triển nhanh, mạnh và vững chắc. Tuy nhiên, mặt chưa được của chăn nuôi đó là vấn đề ONMT. Cộng đồng khoa học trong và ngoài nước đã chỉ rõ, gây ONMT lớn nhất trong nông nghiệp ở Việt Nam là từ trồng trọt và chăn nuôi. Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Thế giới (FAO), chất thải của gia súc toàn cầu tạo ra 65% lượng Nitơ oxit (N_2O) trong khí quyển. Đây là loại

khí có khả năng hấp thụ năng lượng mặt trời cao gấp 296 lần so với khí CO_2 . Cùng với các loại khí khác như CO_2 , CH_4 ,... gây nên hiệu ứng nhà kính làm Trái đất nóng lên.

Theo Báo cáo của Cục Chăn nuôi, hằng năm đàn vật nuôi thải ra khoảng 80 triệu tấn chất thải rắn, vài chục tỷ khối chất thải lỏng, vài trăm triệu tấn chất thải khí. Trong đó, quy mô chăn nuôi trang trại trong cả nước có khoảng 4.293 trang trại, số lượng 30 - 35%, lượng thịt 40 - 45%.

Trong đó, việc xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi (bao gồm: phân, thức ăn thừa, xác gia súc, dụng cụ thú y...), khoảng 40 - 70% được ủ làm phân bón, khoảng 30 - 60% xả thải trực tiếp ra môi trường hoặc phần nhỏ được xử lý bằng biogas. Ngoài chất thải rắn và chất thải lỏng, chăn nuôi hiện đóng góp khoảng 18% hiệu ứng nóng lên của Trái đất (global warming) do thải ra

các khí gây hiệu ứng nhà kính, trong đó có 9% tổng số khí CO_2 sinh ra, 37% khí metan (CH_4) và 65% oxit nitơ (N_2O). Những chất thải khí này sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới. Trong khi, quy hoạch tổng thể về chăn nuôi vẫn chưa thống nhất, phân bố, mật độ trang trại có sự khác biệt lớn giữa các vùng, năng suất lao động không cao, các công nghệ xử lý môi trường chưa thực sự được quan tâm.

Hầu hết các cơ sở chăn nuôi không có nhà máy xử lý hoàn chỉnh, đạt tiêu chuẩn TCVN 37775 - 83. Các chất thải rắn khác như dụng cụ chăn nuôi, vật tư thú y... hầu như chưa được xử lý. Bên cạnh đó, việc xử lý chất thải lỏng (bao gồm: nước tiểu, nước tắm cho vật nuôi, nước rửa chuồng trại, nước từ các lò giết mổ gia súc, gia cầm) có khoảng 30% xử lý qua hầm Biogas, 30% bằng hồ sinh học, 40% còn lại là dùng trực tiếp tưới hoa màu,

nuôi cá hoặc đổ ra môi trường. Cũng như vậy, quy mô chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ cũng chỉ cho năng suất thấp, khó cạnh tranh, quy mô phân tán, nhỏ lẻ gây khó khăn trong việc quản lý dịch bệnh.

Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về BVMT trong chăn nuôi còn nhiều bất cập, nhất là về nguồn lực. Sự phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các cấp quản lý địa phương để triển khai công tác BVMT trong chăn nuôi chưa đạt nhiều hiệu quả cao. Các chương trình, dự án hợp tác quốc tế chưa phát huy rộng rãi và có hiệu quả trong công tác BVMT chăn nuôi. Chúng ta chưa thu hút được sự đầu tư ở nhiều thành phần kinh tế vào lĩnh vực BVMT trong chăn nuôi. Thậm chí, nhận thức người chăn nuôi về BVMT trong chăn nuôi còn hạn chế.

Giải pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi

Việc xử lý chất thải trong chăn nuôi phải có một giải pháp có tính tổng thể, lâu dài, bảo đảm vừa ổn định được hoạt động sản xuất, chăn nuôi, vừa tiết kiệm được nguồn tài nguyên để tái đầu tư, phát triển bền vững ngành này, có thể triển khai một số giải pháp tổng thể như:

Quy hoạch vùng chăn nuôi phù hợp theo từng khu sinh thái cả về số lượng, chủng loại để không bị quá tải gây ONMT. Đặc biệt là những khu vực có sử dụng nguồn nước ngầm hoặc nguồn nước sông hồ cung cấp cho nhà máy nước sinh hoạt thì công tác quy hoạch chăn nuôi càng phải quản lý nghiêm ngặt. Khi xây dựng trang trại chăn nuôi cần phải đủ xa khu vực nội thành, nội thị,

khu đông dân cư đồng thời đúng thiết kế và phải được đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng trang trại. Người chăn nuôi phải thực hiện tốt quy định về điều kiện chăn nuôi, ấp trứng, vận chuyển, giết mổ, buôn bán gia súc, gia cầm và sản phẩm của chúng. Các cấp chính quyền và cơ quan chức năng cần hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện đúng theo quy hoạch, đúng theo Pháp lệnh giống vật nuôi, Pháp lệnh thú y và các quy chuẩn trong chăn nuôi. Việc quy hoạch chăn nuôi và rà soát lại quy hoạch phải thực hiện định kỳ vì đây là biện pháp vĩ mô quan trọng góp phần giảm thiểu ONMT.

Xử lý chất thải chăn nuôi bằng công trình khí sinh học. Đây được đánh giá là giải pháp hữu ích nhằm giảm khí thải methane (khí có khả năng gây hiệu ứng nhà kính) và sản xuất năng lượng sạch. Đến năm 2015, với gần 600.000 công trình KSH hiện có trên cả nước đã sản xuất ra khoảng 550 triệu m³ khí gas/năm. Bên cạnh đó, tiềm năng giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của phương án này khoảng trên 20 triệu tấn CO₂, mang lại giá trị kinh tế khoảng 1.300 tỷ đồng về chất đốt. Bên cạnh đó, cũng đã có một số chương trình/dự án hợp tác quốc tế về xử lý chất thải chăn nuôi (với FAO, Hà Lan, Đan Mạch, Pháp, Bỉ...). Nhiều doanh nghiệp cũng đã cung cấp các dịch vụ xử lý chất thải chăn nuôi giúp giảm thiểu nguồn thải, BVMT.

Bên cạnh hai giải pháp cơ bản, tổng thể trên, để giải quyết những khó khăn tồn tại trong quản lý chất thải chăn nuôi chúng ta cần có được một tầm nhìn rõ ràng hơn về vai trò vật

nuôi và các hệ thống chăn nuôi bền vững. Quản lý chất thải chăn nuôi không chỉ đơn thuần là áp dụng các công nghệ để xử lý những chất thải sau khi vật nuôi đã thải ra để hạn chế ONMT. Một mặt, nó phải bắt đầu từ việc thiết kế khẩu phần ăn, đến việc xem xét (và có thể điều chỉnh) các quá trình tiêu hoá, hấp thu và trao đổi chất để cho con vật có thể sử dụng được tối đa các chất dinh dưỡng ăn vào và thải ra môi trường ít chất thải nhất, đặc biệt là những chất thải gây ô nhiễm. Mặt khác, quản lý chất thải chăn nuôi còn bao hàm cả việc sử dụng các chất thải (kể cả được xử lý và không xử lý) vào các mục đích có ích như làm phân bón cho cây trồng, làm thức ăn nuôi trồng thủy sản, làm chất đốt, sản xuất điện... nhằm vừa hạn chế được việc sử dụng tài nguyên, đồng thời hạn chế được ONMT.

Ngoài ra, nhà nước cần tăng nguồn ngân sách đối với các hoạt động điều tra, khảo sát về môi trường chăn nuôi, hỗ trợ BVMT, cũng như tuyên dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hay giúp vừa phát triển chăn nuôi vừa BVMT hiệu quả.

Có thể thấy, chăn nuôi đang ngày càng được quan tâm, hỗ trợ để phát triển, bảo đảm cung cấp nguồn thực phẩm bổ dưỡng, thiết yếu phục vụ đời sống xã hội. Tuy nhiên, để phát triển chăn nuôi bền vững, không tác động xấu đến chất lượng môi trường sống hiện tại cũng như lâu dài, hơn lúc nào hết, chúng ta phải nghiêm túc thực hiện các giải pháp đã nêu để hạn chế tối đa mức độ gây ô nhiễm và bảo vệ được môi trường sinh thái. ■